

Bản án số: 22/2020/HS-ST
Ngày 24-4-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Xuân Quyết

- Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Khánh Sơn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phúc Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020 theo các Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

- **Phạm C**, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1984 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn Hòa Nhất, xã ND, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Thế Ch và bà Nguyễn Thị H; có vợ Đỗ Thị Th; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 15/10/2019, đến ngày 22/10/2019 chuyển tạm giam. Có mặt.

- **Bị hại:**

+ Chị Nguyễn H; sinh năm 1988; địa chỉ: Xã TT, huyện KT, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

+ Chị Nguyễn t, sinh năm 1993; địa chỉ: Xã ĐP, huyện YD, tỉnh Bắc Giang (hiện nay đã xuất cảnh sang Nhật Bản từ tháng 11 năm 2018). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 8/2009, Vũ B, sinh năm 1990, nơi cư trú: thôn Hòa Nhất, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, TP Hải Phòng sang sinh sống, làm thuê tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Tại đây, Bình gặp và làm quen với chị Nguyễn H, sinh năm 1988 và Nguyễn T, sinh năm 1993 cùng trú tại: xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên Bình bàn bạc với Phạm C tìm người mua để bán chị H và chị Thắm. Cường đồng ý và liên lạc với đối tượng tên Hoa và Hải (không xác định được lai lịch cụ thể) cũng đang sinh sống ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc tìm người mua chị H và Thắm. Sau khi Hải và Hoa thông báo đã tìm được người mua thì Cường thông báo lại cho Bình và bảo Bình đưa chị H, chị T đến chỗ Hải và Hoa đang ở. Ngày 28/11/2010, Bình vờ rủ chị T và chị H đi chơi, sau đó đưa hai người đến nhà trọ của Hải và Hoa để gặp Cường. Cường và Bình đi ra ngoài để chị H và chị T ở lại nhà Hải và Hoa. Sau đó, Cường được Hải và Hoa thông báo đã bán chị H, chị T được hơn một vạn nhân dân tệ. Cường đưa cho Bình khoảng 2.000 – 3.000 NDT, còn Cường được hưởng khoảng 2000 - 3000 NDT. Mấy ngày sau chị H và chị T bị bán cho một người Trung Quốc và bị đưa vào một nhà hàng của người Trung Quốc. Chị H đã bị ép bán dâm, còn chị T thì phải ngồi tiếp khách chưa bị ép bán dâm. Ngày 30/12/2010, chị H và chị T trốn được ra ngoài và về Việt Nam làm đơn trình báo. Sau khi phạm tội, Phạm C bỏ trốn, đến ngày 15/10/2019 bị bắt theo quyết định truy nã.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, ngoài ra Cường còn khai: Khoảng cuối năm 2010 Cường bị Công an Trung Quốc bắt và bị xử phạt 10 năm tù về tội “*Bắt cóc tống tiền*” (Cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu tương trợ tư pháp nhưng chưa có kết quả).

Tại bản Cáo trạng số 22/CT -VKS- P2 ngày 18 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Phạm C về tội “Mua bán người” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử: Bị cáo **Phạm C: từ 08 đến 09 năm tù** về tội “Mua bán người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 15/10/2019.

- *Hình phạt bổ sung*: Phạt tiền bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước

- *Về thu lợi bất chính*: Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền từ 2.000 đến 3.000 nhân dân tệ Trung Quốc quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử sơ thẩm để sung Ngân sách Nhà nước.

- *Về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo*: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng*:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- *Về tội danh*:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 11/2010 tại Quảng Đông, Trung Quốc, Phạm C cùng với Vũ B, sinh năm 1990 trú tại: xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng (bị xét xử ở Bản án số 35/2012/HSST ngày 21/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng) đã thực hiện hành vi lừa bán các chị Nguyễn H, sinh năm 1988 và chị Nguyễn T, sinh năm 1993 cùng trú tại xã Đồng Phúc, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cho một đối tượng quốc tịch Trung Quốc (không xác định lai lịch), trong đó Cường được hưởng khoảng 2.000 NDT – 3.000 NDT chi tiêu cá nhân. Do vậy, hành vi của bị cáo Phạm C bị xét xử về tội “Mua bán người” quy định tại Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015) như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo coi phụ nữ như một loại hàng hóa để mua, bán, trao đổi nhằm mục đích kiếm lợi. Hành vi

phạm tội xâm phạm nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự, quyền tự do, quyền làm người của nạn nhân, gây mất trật tự an ninh xã hội, thể hiện sự xuống cấp về đạo đức nên cần phải xét xử nghiêm.

- *Về tình tiết định khung:*

[4] Ngày 28/11/2010 bị cáo Phạm C đã có hành vi dùng thủ đoạn lừa bán chị Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Thắm (02 người) cho 1 người trung quốc nhằm mục đích hưởng lợi số tiền 2.000 NDT – 3.000 NDT. Do đó, hành vi của bị cáo Phạm C bị xét xử về tội “Mua bán người” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Tại điểm e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999 có hình phạt nặng hơn so với điểm đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015, nên căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xét xử về tội “Mua bán người” như Viện kiểm sát truy tố và kết luận là có căn cứ và đúng pháp luật.

- *Về vai trò và hình phạt:* Vụ án có đồng phạm, trong đó có bị cáo Vũ B (Đã được xét xử bằng Bản án 35/2012/HSST ngày 21/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng với mức hình phạt 08 năm tù) có hành vi rủ chị T và H đi chơi rồi bán cho C trừ nợ. C lại bán 2 chị cho người đàn ông Trung Quốc làm gái mại dâm. Khi bán chị Nguyễn T dưới 18 tuổi (thời điểm bị bán chị Thắm hơn 17 tuổi)

[6] *Về vai trò:* Bị cáo Vũ B là người chủ mưu thống nhất bàn bạc với bị cáo Phạm C lừa bán chị Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Thắm. Đồng thời bị cáo C là người thực hành tích cực trực tiếp bán 02 bị hại cho người khác. Do đó vai trò của bị cáo C và bị cáo Bình cơ bản ngang nhau.

[7] *Về hình phạt:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội thành khẩn khai báo ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của bị cáo phạm tội. Mặt khác, nhân thân bị cáo có 01 lần bị cơ quan có thẩm quyền Trung Quốc xử 10 năm tù về tội “Bắt cóc tổng tiền” tuy chưa có kết quả tương trợ tư pháp nhưng bị cáo thừa nhận chứng tỏ bị cáo có nhân thân không tốt nên cần xét xử bị cáo mức án cao hơn bị cáo Vũ B mới đảm bảo tính công bằng đủ tác dụng răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[8] Ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo Phạm C để sung Ngân sách Nhà nước.

[9] *Về thu lợi bất chính*: Bị cáo khai được hưởng từ 2.000 đến 3.000 nhân dân tệ (Trung Quốc). Theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 2.000 nhân dân tệ quy đổi sang tiền Việt Nam đồng tại thời điểm xét xử để sung Ngân sách Nhà nước. (Tại thời điểm xét xử 01 NDT = 3,387 VNĐ, tổng số tiền 2.000 NDT quy đổi bằng 6.774.000 đồng)

[10] *Về dân sự*: Đã giải quyết tại bản án số 35/2012/HSST ngày 21/3/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn H không còn yêu cầu bồi thường thêm về dân sự. Còn chị Nguyễn T, tài liệu điều tra xác định hiện đã xuất cảnh nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 4 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử: Bị cáo **Phạm C**: 08 (*Tám*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù về tội “Mua bán người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 15/10/2019.

- Phạt tiền bị cáo Phạm C 5.000.000 (*Năm triệu*) đồng để sung Ngân sách Nhà nước

- *Về thu lợi bất chính*: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

+ Buộc bị cáo Phạm C phải nộp là 6.774.000 (*Sáu triệu bảy trăm bảy mươi bốn nghìn*) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền thu lợi bất chính thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

- *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo (*Có mặt*) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười năm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Bị hại (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười năm) ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Quyết

Vũ Thị Minh Nguyệt

Trần Thị Thu Hà

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV27 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam CATP Hải Phòng;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hà

